

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2025/DS-ST
Ngày: 27/6/2025
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Nga;
2. Bà Hoàng Mỹ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 336/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N1; địa chỉ: Số B đường C, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP N1 (Công ty A-N2) là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 1457/2023/UQQT-NHNA ngày 23/11/2023);

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản: Ông Đặng Đức N hoặc ông Nguyễn Minh T; địa chỉ liên hệ; Lầu F, số D đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 917/2024/UQ-AMC ngày 22/10/2024).

Ông Đặng Đức N – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số A đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 29/10/2024, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 22/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP N1 – ông Đặng Đức N trình bày:*

Ngày 23/11/2022, Ngân hàng TMCP N1 (gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trần Văn T1 đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0311/2022/908-CV (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N1 – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng). Hạn mức tín dụng là 500.000.000 đồng.

Từ ngày 23/11/2022 đến ngày 24/10/2024, ông Trần Văn T1 thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 5.370.297.000 đồng, thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.006.008.813 đồng. Tại thời điểm 24/02/2023 đến ngày 24/10/2024, ông T1 thanh toán không đủ số tiền nên phát sinh lãi trong hạn 30%/năm. Ngày 24/11/2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ sang quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 45%/năm. Lần cuối cùng ông Trần Văn T1 thanh toán cho Ngân hàng là ngày 24/7/2024 với số tiền 176.044 đồng.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông Trần Văn T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Trần Văn T1 trả nợ, nhưng ông Trần Văn T1 vẫn không thực hiện.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Tuyên buộc ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tạm tính đến ngày 24/10/2024 là 490.933.493 đồng, gồm: Tổng nợ gốc: 436.420.280 đồng; Tổng nợ lãi: 54.513.213 đồng.

- Trong thời gian chưa thanh toán đầy đủ nghĩa vụ, ông Trần Văn T1 vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

** Đối với bị đơn – ông Trần Văn T1:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Trần Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/4/2025, Ngân hàng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn – ông Trần Văn T1 – đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý theo quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP N1 đối với ông Trần Văn T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Ông Trần Văn T1 có ký kết với Ngân hàng các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0311/2022/908-CV ngày 23/11/2022, nên có cơ sở xác định giữa ông Trần Văn T1 và Ngân hàng có giao kết hợp đồng tín dụng. Tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Trần Văn T1 là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận A: “Ông Trần Văn T1, sinh năm: 1983 và đăng ký thường trú: E đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà từ năm 2024. Hiện có nơi ở cư trú: A đường L, Phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Theo kết quả xác minh của Công an P1, Quận A: “Trần Văn T1, sinh năm: 1983 đăng ký tạm trú tại địa chỉ: A đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 01/11/2024”.

Ông Trần Văn T1 là người phải thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng nhưng ông chuyển chỗ ở không báo cho Ngân hàng nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án có cơ sở xác định ông Trần Văn T1 có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: A đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* *Về người tham gia tố tụng*: Người đại diện của nguyên đơn - ông Đặng Đức N - có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về yêu cầu của nguyên đơn*:

Ngân hàng TMCP N1 yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T1 trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 623.194.417 đồng, bao gồm: nợ gốc là 436.420.280 đồng; nợ lãi trong hạn là 54.513.213 đồng; nợ lãi quá hạn là 132.260.924 đồng.

Ngân hàng và ông Trần Văn T1 ký kết các Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ số 0311/2022/908-CV ngày 23/11/2022 trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn nhận được tiền vay, nhưng sau đó không tiếp tục thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn nên vi phạm nghĩa thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, hướng dẫn tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N3, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trần Văn T1 trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 623.194.417 đồng, bao gồm: nợ gốc là 436.420.280 đồng ; nợ lãi trong hạn là 54.513.213 đồng; nợ lãi quá hạn là 132.260.924 đồng.

Kể từ ngày 28/6/2025, ông Trần Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ông Trần Văn T1 với Ngân hàng TMCP N1 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn – ông Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

H lại số tiền tạm ứng án phí là 11.818.670 đồng cho Ngân hàng TMCP N1 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24P số 0050169 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N1.

2. Buộc ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/6/2025 là 623.194.417 đồng, bao gồm: nợ gốc là 436.420.280 đồng; nợ lãi trong hạn là 54.513.213 đồng; nợ lãi quá hạn là 132.260.924 đồng.

Kể từ ngày 28/6/2025, ông Trần Văn T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ

số 0311/2022/908-CV ngày 23/11/2022 được ký kết giữa ông Trần Văn T1 với Ngân hàng TMCP N1 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 28.927.777 đồng.

H lại cho Ngân hàng TMCP N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.818.670 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24P số 0050169 ngày 25/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP N1, bị đơn – ông Trần Văn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Diệp